

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Anh Đào.

Ông Trần Quốc Hội.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22-4, 13-5-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Lê Thị Thúy Q, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Q vắng mặt có đơn, anh H vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Lê Thị Thúy Q: Vào năm 2020, chị Thúy Q và anh Ngọc H yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời

gian chung sống vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2023 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, nhiều lần anh **Ngọc H** đã dùng vũ lực với chị **Thúy Q**, chị **Q** đã tha thứ để sống vì con nhưng anh **H** vẫn không sửa đổi tính tình, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay chị **Thúy Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Thúy Q** yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc H**; Về con chung: có 02 con chung tên là **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 15-5-2018 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08-12-2020, chị **Thúy Q** yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn **Nguyễn Ngọc H**: Vào năm 2020, chị **Thúy Q** và anh **Ngọc H** yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chỉ là những mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng, theo chị **Q** trình bày là anh **H** đánh chị **Q** là không đúng chỉ vì do ghen nên anh **H** mới nóng tính đánh chị **Q**, anh **H** đã hối hận do việc làm của mình, vì vậy nên nay anh **Ngọc H** có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Anh **H** không thống nhất ly hôn với chị **Thúy Q** vì anh **H** còn thương vợ muốn hàn gắn lại để cùng nhau lo cho cuộc sống gia đình; Về con chung: Có 02 con chung tên là **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 15-5-2018 và Nguyễn Ngọc N Y1, sinh ngày 08-12-2020, anh **H** thống nhất giao cho chị **Thúy Q** nuôi dưỡng và anh **H** không cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Thị Thúy Q**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Thúy Q** được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc H**.

Về con chung: Giao hai con chung tên **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 15-5-2018 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08-12-2020 cho chị **Lê Thị Thúy Q** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Lê Thị Thúy Q có đơn xin vắng mặt; Bị đơn Nguyễn Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Q và anh H sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T ngày 24-8-2020 nên hôn nhân của chị Q và anh H là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị Q và anh H có mâu thuẫn nên chị Q khởi kiện ly hôn với anh H tại Tòa án. Thời gian sống chung chị Q và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và anh H cũng có lần anh H dùng vũ lực với chị Q. Đến tháng 10-2023 cho đến nay chị Q và anh H đã ly thân với nhau, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị Q cương quyết ly hôn với anh H, hơn nữa từ khi Tòa án hòa giải đến nay anh H cũng không thể hàn gắn tình cảm giữa hai bên.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị Q và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh H thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15-5-2018 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08-12-2020. Nay ly hôn chị Q yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15-5-2018 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 08-12-2020 cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu **H1** và Ý hiện đang sống chung với chị **Q**. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 15-5-2018 và **Nguyễn Ngọc Như Ý**, sinh ngày 08-12-2020 cho chị **Q** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **H** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Q** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **H** theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Q** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con và anh **H** không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Q** và anh **H** đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy chị **Lê Thị Thúy Q** chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002782 ngày 03-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị **Lê Thị Thúy Q** đã nộp đủ án phí. Anh **Nguyễn Ngọc H** không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Thị Thúy Q**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Thúy Q** được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc H**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 15-5-2018 và **Nguyễn Ngọc Như Ý**, sinh ngày 08-12-2020 cho chị **Lê Thị Thúy Q** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **H** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Q** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **H**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lê Thị Thúy Q** không yêu cầu cấp dưỡng, anh **Nguyễn Ngọc H** không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Lê Thị Thúy Q** và anh **Nguyễn Ngọc H** đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị **Lê Thị Thúy Q** có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002782 ngày 03-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị **Lê Thị Thúy Q** đã nộp đủ án phí.

Anh **Nguyễn Ngọc H** không phải chịu án phí.

5. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã Bình Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương